

# Nâng cao kỹ năng tự học trong việc học ngôn ngữ

Huỳnh Thị Thanh Trúc\*

\*Trường Đại học Tiền Giang

Received: 18/4/2023, Accepted: 22/4/2023

**Abstract:** *Learner autonomy is an important skill to help learners acquire the knowledge more easily, learn more effectively and pursue life-long learning. It plays a very important role in language learning in particular and in improving the quality of training at universities in general. Learner autonomy is considered as one of the prerequisite competencies of global citizens and digital citizens. This article presents the concepts of autonomous learning and its importance in language acquisition, and highlights the undeniable role of the teacher in the learning process. The paper also offers some recommendations for teachers in promoting autonomy to language learners.*

**Keywords:** *Learner autonomy, teacher's role, fostering learner autonomy.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong vài thập kỷ gần đây sự tự học được xem là một trong những mục tiêu hàng đầu của giáo dục nói chung và học ngôn ngữ nói riêng. Qua thời gian dịch bệnh Covid -19 kéo dài, và sự xuất hiện của ChatGPT gần đây, ngành giáo dục có cơ hội nhìn nhận và đánh giá những năng lực mà người học cần được trang bị để thích nghi với những biến đổi không ngừng của thời đại, đặc biệt là thời đại của trí tuệ nhân tạo. Người học đòi hỏi cần phải có ý thức tự học và chủ động. Họ cần có khả năng tư duy độc lập, tích cực để thu thập, chọn lọc, phân tích, phản biện, từ đó hình thành kiến thức mới, song song đó là kỹ năng tự đánh giá để họ biết rõ hạn chế cần khắc phục và rèn luyện cũng như tìm hiểu thông tin bổ sung. Câu hỏi đặt ra cho người viết là vai trò của giáo viên (GV) như thế nào trong việc hướng dẫn sinh viên (SV) nâng cao kỹ năng tự học ngôn ngữ.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm Tự học

Tự học (Learner autonomy) đã trở thành một thuật ngữ thông dụng trong bối cảnh học ngôn ngữ kể từ khi chương trình giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, việc dạy và học ngôn ngữ theo định hướng giao tiếp nhiều hơn. Tự học đã được giải thích bằng nhiều cách khác nhau và nhiều thuật khác nhau đã được sử dụng để chỉ việc tự học trong học ngôn ngữ như tính độc lập của người học (learner independence), tự học (self-learning hay self-access learning), cá nhân hóa (individualization), học cách học (learning how to learn).

Theo Holec (1981), tự học là “khả năng chịu trách nhiệm về việc học của chính mình, chịu trách nhiệm về việc học của mình là chịu trách nhiệm về

tất cả các quyết định liên quan đến mọi khía cạnh của việc học này.” Thanasoulas (2000) cho rằng tự học là quá trình bản thân người học độc lập, tự giác chiếm lĩnh tri thức, tích cực tìm tòi, phân tích sách vở, tài liệu tham khảo bằng những phương pháp phù hợp trên cơ sở hướng dẫn của giáo viên. Theo Hedge (2000), tự học là nói đến khả năng chịu trách nhiệm về việc học của chính người học và lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình học tập đó một cách độc lập với giáo viên. Tự học được định nghĩa là bao gồm các khả năng cho phép người học định hướng việc học, đánh giá các hoạt động học tập và kiểm tra kết quả học tập của chính họ (Benson, 2001)

Các định nghĩa đã chỉ ra rằng tự học bao gồm (1) ý thức của người học về trách nhiệm học tập của mình, (2) khả năng và sự sẵn sàng để thiết lập kế hoạch hay mục tiêu học tập, (3) lựa chọn phương pháp, chiến lược, tài liệu học tập có và/hoặc không có sự trợ giúp của GV hay bạn bè, và (4) đánh giá/tự đánh giá quá trình và kết quả học tập. Nói chung, những người tự học sẽ có định hướng mục tiêu học tập, quản lý thời gian, thực hành một cách có ý nghĩa, sử dụng các chiến lược học tập một cách thích hợp, và có khả năng tự hoàn thành và đánh giá nhiệm vụ học tập của mình.

### 2.2. Tầm quan trọng của tự học trong việc học ngôn ngữ

Tầm quan trọng của việc thúc đẩy khả năng tự của người học đã được chấp nhận rộng rãi. Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau, việc tự học được công nhận là có vị trí trung tâm trong quá trình học ngôn ngữ (Benson, 2001). Gần đây tự học là một trong những vấn đề trọng tâm và là mục tiêu lớn trong giáo dục, nhất là ở giáo dục đại học. Ngày càng có nhiều

bằng chứng nghiên cứu về lợi ích của tự học và tầm quan trọng của việc nâng cao tính tự học trong giảng dạy ngôn ngữ.

Ellis & Sinclair (1989) nói rằng có ba lý do để giúp người học có trách nhiệm hơn đối với việc học của chính họ. Đầu tiên, việc học có thể hiệu quả hơn khi họ kiểm soát việc học của chính mình. Thứ hai, những người học chịu trách nhiệm cho việc học của mình có thể tiếp tục học bên ngoài lớp học. Và cuối cùng, người học biết tự học có thể chuyển các chiến lược được học tập sang các môn học khác. Little (2004) cho rằng nếu người học đã phát triển tính tự học sẽ chịu trách nhiệm cho việc học của mình và trở nên có động lực nội tại và tham gia vào việc học một cách chủ động và tích cực. Hơn nữa, người học tự chủ có thể áp dụng kiến thức và kỹ năng thu được trong lớp học vào các tình huống bên ngoài lớp học. Benson (2001) nói rằng “có thái độ học tập tích cực, độc lập và độc lập thực hiện nhiệm vụ học tập sẽ có lợi cho việc học; bằng cách nào đó, sự tham gia của cá nhân vào việc ra quyết định dẫn đến việc học tập hiệu quả hơn và có thể dẫn đến khả năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo hơn.” Trong việc học ngôn ngữ thì tự học “tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng ngôn ngữ được học trong môi trường thế giới lớn hơn ngoài môi trường đang được học” và “cho phép người học tận dụng tối đa các cơ hội học ngôn ngữ nảy sinh liên tục trong việc sử dụng ngôn ngữ.”

Nghiên cứu của Bajrami (2015) cho biết tự học sẽ đem lại “những kết quả tích cực ở cấp độ đại học, chẳng hạn như tính linh hoạt, thích ứng, tự chủ động và tự định hướng.” Dafei (2007) đã chứng minh rằng năng lực tiếng Anh của người học có mối quan hệ mật thiết với khả năng tự học của họ. Nghĩa là khi người học có khả năng tự học tốt thì họ sẽ học ngôn ngữ tốt hơn và ngược lại. Ngoài ra, Dang (2012) chỉ ra tự học “đóng góp trực tiếp vào cả quá trình và kết quả của hoạt động học tập. Nó giúp người học đối mặt với thách thức, khó khăn và đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành kiến thức và năng lực học tập bền vững trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay.” Duong và Seepho (2014) chỉ ra rằng tự học đã từng bước đóng một vai trò quan trọng trong cả nghiên cứu học thuật và thực hành giảng dạy trong thế kỷ 21. Theo tiêu chuẩn mới trong giáo dục hiện nay, HS không chỉ được dạy kiến thức mà còn cả phương pháp tự học.

Từ những ý kiến trên, có thể thấy rằng tự học đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ.

Việc nhấn mạnh vào khả năng học tập độc lập, tự chịu trách nhiệm về việc học của mình ngày càng được chú ý ở cấp đại học và nâng cao nhận thức của SV về tầm quan trọng của khả năng tự học là chìa khóa thành công trong quá trình học tập của họ. Tự học giúp phát huy tính tự giác học và nghiên cứu của SV đại học. Việc tự học còn góp phần giúp cho họ rèn luyện khả năng tư duy và sáng tạo của mình. Vì vậy, trong quá trình học ngôn ngữ, GV có một vai trò quan trọng trong việc giúp người học tự tiếp cận và hướng dẫn giúp đỡ họ thường xuyên để duy trì việc học.

### **2.3. Vai trò của giáo viên trong việc thúc đẩy hoạt động tự học**

Để phát triển khả năng tự học của người học, vai trò của GV trong quá trình này là rất quan trọng. Holec (1981) cho rằng GV là người hỗ trợ, tổ chức và cung cấp tài nguyên học tập, nhận xét và khuyến khích, tạo ra môi trường học tập tích cực. Thanasoulas (2000) giải thích rằng tính tự học của người học đạt được tốt nhất khi GV đóng vai trò là người hỗ trợ học tập, cố vấn và cung cấp nguồn tài nguyên học tập. Theo Camilleri (1999) GV phải hiểu phương pháp giảng dạy và kỹ năng quản lý bởi vì họ sẽ ảnh hưởng đến HS; bên cạnh đó, họ còn là cố vấn. Họ cần biết tiến độ học tập của HS và giúp đỡ họ. Như vậy, để tạo môi trường học tập mang tính tự học, GV cần đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình giảng dạy, họ cần thay đổi vai trò truyền thống trước đây là người truyền đạt sang các dạng vai trò khác như người quản lý, tổ chức, hỗ trợ và tư vấn. Khi ấy họ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường mang tính tự học đồng thời hỗ trợ người học đưa ra quyết định và kiểm soát việc học của chính mình. GV nên là người hướng dẫn và tạo bầu không khí thích hợp để khuyến khích người học tự lập hơn và có trách nhiệm hơn với thành tích học tập của mình. Sau đây là số cách GV có thể tạo ra môi trường có tính tự học thực sự cho việc giảng dạy ngôn ngữ:

Đầu tiên, GV cần giúp người học tích cực tham gia vào việc thiết lập các mục tiêu, lập kế hoạch học tập cả dài hạn và ngắn hạn, xác định các hoạt động và lựa chọn các tài liệu học tập. Với vai trò là người hỗ trợ và cố vấn, GV sẽ giúp người học lập kế hoạch và thực hiện việc học tập độc lập của họ thông qua phân tích nhu cầu, thiết lập mục tiêu, và lựa chọn tài liệu, chiến lược học phù hợp. Người hỗ trợ sẽ giúp đỡ người học vượt qua các trở ngại, sẵn sàng tham gia

đổi thoại với người học và nâng cao nhận thức của người học về tầm quan trọng của việc học tập độc lập (Voller, 1997). Các mục tiêu cá nhân đã được đặt ra cần phải luôn được xem xét, theo dõi. GV nên đưa ra phản hồi, khuyến khích và hỗ trợ người học đánh giá các mục tiêu cá nhân để giữ cho họ tập trung và theo đuổi mục tiêu, đồng thời hướng tới mục tiêu tự học, và cải thiện trình độ ngôn ngữ của mình. Nhiều cách thức có thể được sử dụng đánh giá hay tự đánh giá về mục tiêu của người học như bảng đánh giá (evaluation sheets), hồ sơ học tập (portfolios), nhật ký học tập (learning journals) hay nhật ký (diaries). Những hồ sơ đó cũng đồng thời cung cấp thông tin thể hiện sự nỗ lực, tiến bộ và thành tích của cả quá trình học tập của người học.

Ngoài ra, lấy người học làm trung tâm, GV là người tạo môi trường và tinh huống để HS có thể rèn luyện khả năng tự giải quyết vấn đề thông qua việc tổ chức hoạt động học. GV cần tổ chức các hoạt động, trò chơi đa dạng như đóng vai, thảo luận nhóm, thuyết trình. Các hoạt động này phải hiệu quả, phù hợp với nhu cầu và hứng thú của người học. GV nên làm rõ quy trình của từng hoạt động và giải thích ý nghĩa của các nhiệm vụ đối với việc học ngôn ngữ để người học biết rõ họ phải làm gì trước khi thực hiện nhiệm vụ. Với mục đích phát huy khả năng tự học của người học, GV nên tạo cơ hội cho người học học tập một cách tự nhiên, sáng tạo, chủ động để tự xây dựng kiến thức. Tích cực, chủ động, tự học, tức là, việc học bắt đầu từ hoạt động tự khám phá của HS thông qua giác quan, kinh nghiệm có sẵn, đến hoạt động tổng hợp, phân tích với mô hình, hình ảnh và cuối cùng là hoạt động hình thành kiến thức. Lúc này, học thực sự là công việc tự thân của trò và năng lực tự học cũng được hình thành một cách tự nhiên. Công việc này không chỉ rèn luyện khả năng tự duy độc lập mà còn tạo thói quen chủ động tìm kiếm tri thức từ những trải nghiệm mới trong cuộc sống.

Từ những vai trò cùng với những hoạt động nêu trên, GV có thể phát huy tính tự học của người học. Họ là người tạo môi trường và nhiều cơ hội để người học có thể rèn luyện khả năng tự giải quyết vấn đề thông qua việc tổ chức hoạt động học và dạy cách học. Thêm vào đó, các nhiệm vụ học tập, các tài liệu, việc sử dụng công nghệ, kỹ thuật giảng dạy và việc đánh giá được định hướng để thúc đẩy việc tự học ngôn ngữ.

### 3. Kết luận

GV ngôn ngữ cần nhận thức được các yếu tố có

lợi cho việc tự học của người học bởi vì nó được coi là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của việc học ngôn ngữ và là chìa khóa để học tập suốt đời. Tự học không chỉ là cho người học tự do lựa chọn học cái gì và học như thế nào hay giao toàn bộ quyền kiểm soát và trách nhiệm học tập cho họ mà còn là dạy họ cách tận dụng năng lực bản thân để tự học một cách hiệu quả. Để phát huy tính chủ động của người học, GV không còn là người chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là người quản lý, tổ chức, hướng dẫn và tư vấn. Người học cần được trở thành những người học tự chủ dưới sự hướng dẫn của GV. Nói cách khác, GV có vai trò không thể thiếu trong việc thúc đẩy các hoạt động tự học ngôn ngữ. Đó là một quá trình liên tục cần có thời gian, sự kiên nhẫn và hỗ trợ.

### Tài liệu tham khảo

1. Bajrami, L. (2015). Different Approaches for Learner Autonomy in Higher Education. In B. Xhaferri, M. Waldispühl, B. Eriksson-Hotz, & G. Xhaferri (eds.), *Promoting Learner Autonomy in Higher Education*, p.147-156. Tetovo: South East European University.
2. Camilleri, G. (ed.). (1999). *Introducing learner autonomy in teacher education*. Strasbourg Cedex, France: Council of Europe.
3. Dafei, D. (2007). An exploration of the relationship between learner autonomy and English proficiency. *Asian EFL Journal*, 24,6-8.
4. Dang, T. T. (2012). *Learner Autonomy Perception and Performance: A study on Vietnamese students in online and offline learning environments*. Ph.D. thesis, La Trobe University.
5. Duong, M. T., & Seepho, S. (2014). *Promoting learner autonomy: A qualitative study on EFL teachers' perceptions and their teaching practices*. Proceedings of the International Conference: DRAL 2 /ILA 2014.
6. Ellis, G. & Sinclair, B. (1989). *Learning to Learn English: a course in learner training*. Cambridge: Cambridge University Press
7. Little, D. (2004). *Learner autonomy: drawing together the threads of self-assessment, goal-setting, reflection*. Retrieved from [http://archive.ecml.at/mtp2/Elp\\_tt/Results/PagEF/e06.html](http://archive.ecml.at/mtp2/Elp_tt/Results/PagEF/e06.html)
8. Nunan, D. (2003). *Practical English language teaching*. New York: McGraw-Hill.
9. Thanasoulas, D. (2000). What is learner autonomy, and how can it be fostered. *The Internet TESL Journal*, 6(11), 37-48.